

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2022/DS-PT  
Ngày: 24 - 8 - 2022  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua  
bán tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Bình Đào.

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Quang Tấn.

Bà Nguyễn Thị Nhiên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Vũ Tường Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang:** Ông Trịnh Văn Dương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 27 tháng 7, ngày 22 tháng 8 và tuyên án ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2022/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 94/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông B1, sinh năm 1940 và bà T1, sinh năm 1947; Điều vắng mặt.

HKTT: Xã TY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ liên hệ: phường AB, Tp R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông B1, bà T1: Ông H1, sinh năm 1959 (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/3/2021); Có mặt.

Địa chỉ: phường RS, Tp R, Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư B2 – Văn phòng luật sư V, Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Đ1, sinh năm 1995; Vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: phường V, Tp R, tỉnh Kiên Giang.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Đ2, sinh năm 1972; Có mặt.

Địa chỉ: phường A, Tp R, tỉnh Kiên Giang.

3.2. Ông T2, sinh năm 1953; Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: phường A, Tp R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T2: Bà L1, sinh năm 1961 (Theo văn bản ủy quyền ngày 30/3/2021); Vắng mặt.

Địa chỉ: phường V, Tp R, tỉnh Kiên Giang.

3.3. Bà N, sinh năm 1968; Vắng mặt.

Địa chỉ: xã TY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

3.4. Văn phòng Công chứng T3;

Người đại diện theo pháp luật: Ông T3 – Trưởng Văn phòng. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: phường V, Tp R, tỉnh Kiên Giang.

3.5. Ông B3, sinh năm 1968; Vắng mặt.

Địa chỉ: xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B3: Ông T4, sinh năm 1971 (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/3/2022); Có mặt.

Địa chỉ liên hệ: thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

3.6. Ông H2, sinh năm 1961; Vắng mặt.

Địa chỉ: phường D, Tp P, tỉnh Kiên Giang.

3.7. Ông T5, sinh năm 1982; Có mặt.

Địa chỉ: phường AT, quận B, Tp Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T5: Ông B4, sinh năm 1986 (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/4/2021); Có mặt.

Địa chỉ: phường A, Tp R, tỉnh Kiên Giang.

3.8. Công ty TNHH MTV DV và TM L2;

Địa chỉ: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông L2 – Chức vụ: Giám đốc; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lung: Luật sư A – Văn phòng luật sư A, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

### 3.9. Văn phòng Công chứng T6;

Người đại diện theo pháp luật: Bà T6 – Trưởng Văn phòng. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

**4. Người kháng cáo:** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông T5; Ông B3; Công ty TNHH MTV DV và TM L2.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**\* Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ông B1 và bà T1 do người đại diện theo ủy quyền là ông H1 trình bày:**

Ông B1 và bà T1 là cha mẹ ruột của bà Đ2, là ông bà ngoại của ông Đ1. Vào tháng 3/2018 bà Đ2 cần tiền sửa nhà, bà Đ2 có hỏi con trai của bà Đ2 là ông Đ1 vay số tiền 100.000.000 đồng, ông Đ1 đòi phải có thế chấp tài sản. Vì vậy, bà Đ2 đã năn nỉ vợ chồng ông B1 cho mượn giấy tờ hai chiếc tàu dầu của vợ chồng ông B1 thế chấp cho ông Đ1 để làm tin. Vì chuyện làm ăn của bà Đ2 đang gặp khó khăn nên vào ngày 03/8/2018 vợ chồng ông B1 đến văn phòng công chứng để thế chấp hai chiếc tàu của vợ chồng ông B1 cho ông Đ1, để ông Đ1 cho bà Đ2 vay số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên tại văn phòng công chứng, công chứng viên giải thích chỉ có làm hợp đồng mua bán thì mới công chứng được còn cầm cố pháp luật không cho phép. Ông Đ1 giải thích cho vợ chồng ông B1 là “cứ ký hợp đồng mua bán cặp tàu với cháu một vài tháng mẹ cháu trả tiền cho cháu, cháu làm hợp đồng chuyển trả lại cặp tàu cho ông bà ngoại. Đồ hứa là không sang tên cặp tàu này”. Tin lời của con gái, rồi lại tin lời của cháu ngoại nên vợ chồng ông B1 đã ký hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa với ông Đ1.

- Phương tiện thủy nội địa có số đăng ký KG-56937 do Sở giao thông vận tải tỉnh Kiên Giang cấp ngày 10/3/2016, số giấy chứng nhận: 53224/ĐK, số đăng kiểm V68-47227 do Chi cục đăng kiểm Kiên Giang cấp. Trọng tải 76,0 tấn.

- Phương tiện thủy nội địa có số đăng ký KG-01134 do Sở giao thông vận tải tỉnh Kiên Giang cấp ngày 10/3/2016, số giấy chứng nhận: 53225/ĐK, số đăng kiểm V68-03321 do Chi cục đăng kiểm Kiên Giang cấp. Trọng tải toàn phần 30,0 tấn.

Việc giao nhận tiền là do mẹ con của bà Đ2 và ông Đ1 tự giao nhận, ông B1 và bà T1 không hay biết.

Thời điểm làm hợp đồng hai chiếc tàu này cho ông Đ1 thì hai chiếc tàu này của ông B1 bà T1 đang hoạt động, cụ thể:

- Tàu M 2 số đăng ký KG-01134 do con gái vợ chồng ông B1 là N đang bán dầu ở Tp P. Ngày 16/9/2019 ông Đ1 đem hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa giữa vợ chồng ông B1 với ông Đ1 đến gặp bà N đang bán dầu và yêu cầu bà N giao tàu cho ông Đ1. Vì không muốn gây sự với con cháu nên bà N để cho ông Đ1 mang tàu về.

- Tàu M số đăng ký KG-56937 đang gửi trên ụ tại Ụ tàu B5 thuộc DNTN Đ3 do ông T2 làm chủ để sơn mới. Ngày 21/8/2020 vợ chồng ông B1 xuống Ụ tàu để kiểm tra tàu thì không thấy tàu neo đậu ở đây, hỏi ông T2 thì biết ông Đ1 đã đăng ký quyền sở hữu đối với phương tiện này và chuyển tàu đi nơi khác.

Nay ông B1, bà T1 yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa giữa vợ chồng ông B1 với ông Đ1 là vô hiệu; yêu cầu ông Đ1 chuyển quyền sở hữu đối với hai phương tiện tàu M và tàu M 2 lại cho vợ chồng ông B1.

Đồng thời, ông B1, bà T1 yêu cầu hủy các hợp đồng chuyển nhượng phương tiện thủy nội địa đối với 02 chiếc tàu số đăng ký KG-56937 và KG-01134. Cụ thể hợp đồng mua bán giữa ông Đ1 và ông B3; hợp đồng mua bán giữa ông B3 và ông T5; hợp đồng mua bán giữa ông Đ1 và Công ty TNHH MTV DV và TM L2.

**\* Bị đơn ông Đ1:** Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo hai lần thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Đ1 vắng mặt.

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đ2 trình bày:**

Bà là con ruột của ông B1 và bà T1 và là mẹ ruột của ông Đ1. Hai chiếc tàu dầu có số đăng ký KG-56937 do Sở giao thông vận tải tỉnh Kiên Giang cấp ngày 10/3/2016 và số đăng ký KG-01134 do Sở giao thông vận tải tỉnh Kiên Giang cấp ngày 10/3/2016 đều là của ông B1 và bà T1 đứng tên chủ sở hữu.

Tuy nhiên chiếc tàu số đăng ký KG-56937 ông B1 và bà T1 giao cho bà Đ2 quản lý, do cần sửa chữa sơn mới và gửi lại tàu nên vào ngày 20/11/2018 bà đã đưa chiếc tàu này lên ụ gửi tại ụ tàu của ông T2 để sơn sửa chữa, ông T2 có làm hợp đồng sơn sửa chữa tàu với bà và ông T2 có làm giấy gửi tàu của bà trên ụ với giá 300.000 đồng/ngày.

Đối với chiếc tàu số đăng ký KG-01134 ông B1 và bà T1 giao cho bà N quản lý đang hoạt động bán dầu tại Tp P.

Vào tháng 3/2018 bà cần tiền để sửa nhà, nên có hỏi con trai của bà là Đ1 vay số tiền 100.000.000 đồng, ông Đ1 đòi phải có thế chấp tài sản. Bà đã năn nỉ ông B1 và bà T1 cho mượn giấy tờ hai chiếc tàu KG-56937 và KG-01134 thế chấp cho ông Đ1 để làm tin. Bà có nói với ông Đ1 là chỉ thế chấp không được sang tên, ông Đ1 đồng ý nên vào ngày 03/8/2018 ông B1 và bà T1 cùng với ông Đ1 đến văn phòng công chứng T3 để thế chấp hai chiếc tàu của ông B1 và bà T1 cho ông Đ1, để ông Đ1 cho bà vay

số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi ông B1 và bà T1 ký kết hợp đồng công chứng xong thì ông Đ1 đã giữ toàn bộ giấy tờ và giao số tiền 100.000.000 đồng cho bà. Bà không ngờ khi ông Đ1 đã giữ toàn bộ giấy tờ của hai chiếc tàu trên thì ông Đ1 đã tự ý sang tên chủ sở hữu và tự ý đến ụ tàu của ông T2 để kéo tàu về và bán cho người khác không được sự đồng ý của ông B1, bà T1 cũng như của bà.

Vào ngày 21/8/2020 bà và ông B1 có đến ụ tàu của ông T2 để thanh toán tiền và tiến hành hạ thủy thì mới phát hiện ông Đ1 đã tự ý kéo tàu đi, bà có hỏi ông T2 tại sao lại giao tàu cho ông Đ1 mà không thông qua ý kiến của bà và ông B1 thì ông T2 nói rằng thấy ông Đ1 là con ruột của bà nên đã giao tàu cho ông Đ1. Bà đã cự cãi với ông T2 và ông T2 đã làm bản cam kết cho bà.

Nay bà Đ2 yêu cầu ông Đ1 phải trả lại hai chiếc tàu có số đăng ký KG-56937 và KG-01134 cho ông B1 và bà T1, bà đồng ý trả lại cho ông Đ1 số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

***\* Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T2 trình bày:***

Vào ngày 08/11/2018 bà Đ2 liên hệ qua điện thoại tới ụ tàu của ông T2 để kéo tàu dầu lên ụ sơn lại tàu với thời gian 03 ngày. Sau khi sơn vỏ tàu xong, bà Đ2 không liên hệ với ụ tàu để hạ thủy, mặc dù ông T2 nhiều lần liên lạc cho bà Đ2 đến nhận tàu gây khó khăn ùn tắc trong ụ tàu của ông. Đến 01 năm sau tức vào ngày 21/10/2019, ông Đ1 là con ruột của bà Đ2 đến ụ tàu trình giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa mang số KG 56937 mang tên Đ1. Qua kiểm tra các loại giấy tờ hợp lệ, trong đó có hợp đồng mua bán tàu đề ngày 03/8/2018 giữa ông B1, bà T1 với ông Đ1 ký trước ngày bà Đ2 đưa tàu lên ụ và do không liên lạc được với bà Đ2 nên ông T2 nghĩ rằng ông Đ1 là người nhờ bà Đ2 đưa tàu lên ụ nay ông Đ1 xuống xin sửa chữa tàu thêm và xin cho tàu hạ thủy. Vào ngày 15/6/2020 ông Đ1 làm cam kết xác nhận con tàu KG 56937 là của ông Đ1 và cam kết mọi phát sinh tranh chấp sau khi tàu xuống ụ ông Đ1 hoàn toàn chịu trách nhiệm về mặt pháp lý của tàu. Tại thời điểm này, ông T2 liên lạc với bà Đ2 vẫn không có kết quả nên ông T2 đã tin tưởng cho ông Đ1 hạ thủy con tàu. Vì ông Đ1 là con ruột của bà Đ2.

***\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà N trình bày:***

Bà là con ruột của ông B1 và bà T1. Hai chiếc tàu dầu có số đăng ký KG-56937 do Sở giao thông vận tải tỉnh Kiên Giang cấp ngày 10/3/2016 và số đăng ký KG-01134 do Sở giao thông vận tải tỉnh Kiên Giang cấp ngày 10/3/2016 đều là của ông B1 và bà T1 đứng tên chủ sở hữu. Tuy nhiên, chiếc tàu số đăng ký KG-56937 ông B1 và bà T1 giao cho bà Đ2 quản lý, còn chiếc tàu số đăng ký KG-01134 ông B1 và bà T1 giao cho bà N quản lý từ năm 2018 đến thời điểm xảy ra mâu thuẫn tàu KG-01134 đang hoạt động, buôn bán dầu bình thường.

Vào tháng 9/2019, bà đang buôn bán dầu tại Tp P thì ông Đ1 đã mang theo hợp đồng mua bán tàu số đăng ký KG-01134 vào tháng 8/2018 đưa cho bà xem và nói ông

bà ngoại (tức ông B1 và bà T1) đã bán tàu này lại cho ông Đ1 và yêu cầu bà phải giao tàu này cho ông Đ1 để ông Đ1 quản lý và khai thác. Do là chỗ người thân, con cháu trong gia đình nên bà cũng không cự cãi gì và đồng ý giao tàu KG-01134 cho ông Đ1 quản lý. Khi bà trở về nhà báo cáo lại sự việc cho ông B1, bà T1 thì mới biết được sự việc không phải như ông Đ1 đã nói với bà, mà thực chất chỉ là bà Đ2 vay tiền của ông Đ1 số tiền 100.000.000 đồng và có thể chấp 02 chiếc tàu dầu trên cho ông Đ1 để làm tin.

***\* Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông B3 trình bày:***

Vào đầu năm 2019 thông qua môi giới nên ông B3 biết ông Đ1 đang cần bán lại phương tiện KG-01134 với giá 220.000.000 đồng. Sau khi coi thực tế phương tiện này ông B3 đã đồng ý mua nhưng khi xem lại giấy tờ thì chủ sở hữu không phải là ông Đ1 mà do ông B1 đứng tên, nên ông B3 không đồng ý mua. Lúc này ông Đ1 có nói với ông B3 đợi thêm vài tháng nữa để ông Đ1 sang tên xong sẽ ký kết hợp đồng mua bán cho ông B3. Khoảng 02 tháng sau ông Đ1 điện thoại cho ông B3 nói là giấy tờ đã xong và kêu ông B3 xuống Rạch Giá ký hợp đồng công chứng. Do ông B3 mua với mục đích kinh doanh là mua đi bán lại nên ông B3 có nói với ông Đ1 làm hợp đồng ủy quyền trong thời hạn 10 năm chứ không làm hợp đồng mua bán, mục đích đỡ chi phí sang tên trước bạ. Tại phòng công chứng T3, ông B3 và ông Đ1 đã ký hợp đồng ủy quyền ngày 29/10/2019 và tại phòng công chứng ông B3 đã giao đủ số tiền 220.000.000 đồng cho ông Đ1 và ông Đ1 giao cho ông B3 toàn bộ hồ sơ và phương tiện KG-01134 cho ông B3 quản lý, sử dụng.

Sau khi nhận chuyển nhượng ông B3 đã sửa chữa và nâng cấp thêm cho phương tiện KG-01134 với số tiền 55.000.000 đồng và đăng kiểm lại với số tiền 13.000.000 đồng. Tổng cộng là 288.000.000 đồng.

Vào tháng 11/2020 ông B3 bán lại nhượng phương tiện KG-01134 cho ông H2 với giá 360.000.000 đồng, ông B3 đã nhận đủ số tiền 360.000.000 đồng và ông B3 đã giao phương tiện cho ông H2, đồng thời chính ông B3 đã ký hợp đồng mua bán với ông H2 tại phòng công chứng T6. Khoảng 01 tháng sau ông H2 điện thoại cho ông B3 nói là đã bán phương tiện trên cho ông T5 và nhờ ông B3 đến phòng công chứng để ký hủy bỏ hợp đồng mua bán trước đây giữa ông B3 và ông H2, đồng thời ký hợp đồng mua bán giữa ông B3 và ông T5. Ông B3 yêu cầu công nhận hợp đồng ủy quyền ngày 29/10/2019 giữa ông B3 và ông Đ1.

Nay ông B3 yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng ủy quyền lập ngày 29/10/2019 tại VP công chứng T3 là giao dịch hợp pháp, đồng thời bãi bỏ biện pháp ngăn chặn khẩn cấp để con tàu KG 01134 sớm được đăng kiểm đi vào hoạt động. Trường hợp có cản trở bất lợi về pháp lý thì ông Đ1 phải thanh toán số tiền 288.000.000 đồng mua bán con tàu và tất cả chi phí sửa chữa tàu.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của ông B3 yêu cầu công nhận hợp đồng ủy quyền được xác lập vào ngày 29/10/2019 giữa ông Đ1 và ông B3.

Rút một phần yêu cầu về việc yêu cầu ông Đ1 thanh toán tiền mua tàu KG-01134 và chi phí sửa chữa.

***\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T5 trình bày:***

Ông và ông H2 là bạn làm ăn chung với nhau, ông H2 có nói với ông là ông H2 mới mua được phương tiện KG-01134 vào ngày 23/9/2020 từ ông B3 với giá 360.000.000 đồng nhưng do ông H2 đã cao tuổi không muốn làm ăn nữa nên cần bán lại. Vào ngày 7/12/2020 ông có mua phương tiện KG-01134 từ ông H2 với giá 360.000.000 đồng. Ông đặt cọc trước số tiền 200.000.000 đồng cho ông H2 thông qua chuyển khoản tại ngân hàng Sacombank.

Vào ngày 16/12/2020 ông, ông H2 và ông B3 cùng đến phòng công chứng T6 ký kết hợp đồng mua bán có công chứng, giữa ông B3 và ông H2 ký hủy hợp đồng mua bán phương tiện KG-01134, sau đó ông B3 và ông cùng ký hợp đồng mua bán phương tiện KG-01134. Sau khi ký kết hợp đồng mua bán có công chứng xong ông đã giao đủ số tiền còn lại 160.000.000 đồng cho ông H2.

Việc ông mua lại phương tiện nói trên là đúng quy định pháp luật nên yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa ngày 16/12/2020 giữa ông và ông B3 để ông có thể sang tên sở hữu hợp pháp đối với phương tiện KG-01134 nói trên. Trong trường hợp có cản trở bất lợi về pháp lý thì ông B3 phải thanh toán số tiền thực tế mua bán con tàu là 388.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông T5 yêu cầu công nhận hợp đồng mua bán được xác lập vào ngày 16/12/2020 giữa ông B3 và ông T5. Rút một phần yêu cầu về việc yêu cầu ông B3 thanh toán tiền mua tàu KG-01134 và chi phí sửa chữa.

***\* Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV DV và TM L2 trình bày:***

Công ty L2 mua tàu của ông Đ1 tính đến thời điểm hiện tại đã gần 01 năm. Quá trình làm các thủ tục theo quy định của Nhà nước thì mới biết ông B1 và bà T1 tranh chấp với ông Đ1 về chiếc tàu ông Đ1 bán cho Công ty.

Công ty L2 ở xa không cùng địa phương với ông Đ1 nên không biết gì về quan hệ gia đình và quan hệ tài chính giữa ông B1, bà T1 với ông Đ1. Chỉ quan hệ với ông Đ1 là chủ tàu để mua tàu về hoạt động, có hợp đồng mua bán. Công ty mua tàu đầu nói trên với giá 720.000.000 đồng và sửa chữa vào thêm tổng cộng số tiền là 1.350.000.000 đồng.

Đem tàu về Quảng Ngãi để đăng ký lại, nhưng chưa hoạt động được vì cơ quan có thẩm quyền chưa cấp đăng kiểm do có tranh chấp. Phần thuế Công ty vẫn phải khai và nộp theo quy định. Việc này ảnh hưởng không nhỏ đến công ty trên nhiều mặt nhất là thiệt hại về kinh tế, ảnh hưởng đến đời sống của cán bộ, nhân viên và công nhân trong Công ty.

Việc công ty nhận chuyển nhượng tàu dầu nói trên là đúng quy định pháp luật nên yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa ngày 15/6/2020 giữa công ty L2 và ông Đ1 để phía công ty có thể sở hữu hợp pháp và tiến hành cho hoạt động đối với phương tiện nói trên.

Nay công ty L2 yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng mua bán lập ngày 15/6/2020 tại văn phòng công chứng T3 là giao dịch hợp pháp, đồng thời hủy bỏ biện pháp ngăn chặn khẩn cấp để con tàu KG-56937 sớm được đăng kiểm đi vào hoạt động. Trường hợp có cản trở bất lợi về pháp lý thì ông Đ1 phải thanh toán số tiền 1.350.000.000 đồng mua bán con tàu và tất cả chi phí sửa chữa tàu.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của Công ty L2 yêu cầu công nhận hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa KG-56937 được xác lập vào ngày 15/6/2020 giữa ông Đ1 và Công ty L2. Rút một phần yêu cầu về việc yêu cầu ông Đ1 thanh toán tiền mua tàu KG-56937 và chi phí sửa chữa.

***\* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2022/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang quyết định:***

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu thanh toán tiền mua bán phương tiện thủy nội địa KG- 01134 và KG-56937 của ông B3; Công ty TNHH MTV DV và TM L2 đối với ông Đ1 và phần yêu cầu thanh toán tiền mua bán sửa chữa phương tiện thủy nội địa của ông T5 đối với ông B3.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông B1, bà T1 đối với bị đơn ông Đ1.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông B3; ông T5; Công ty TNHH MTV DV và TM L2 đối với bị đơn ông Đ1.

4. Tuyên bố hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa xác lập giữa ông B1, bà T1 với ông Đ1 số công chứng 00002749, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 3/8/2018 vô hiệu do giả tạo; Hủy hợp đồng ủy quyền được xác lập giữa ông Đ1 với ông B3 số công chứng 0003984, quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/10/2019; Hủy hợp đồng mua bán được xác lập giữa ông Đ1 (do ông B3 làm đại diện) với ông T5 số công chứng 1720, quyển số 01.P/CC-SCC/HĐGD ngày 16/12/2020.

5. Buộc Công ty TNHH MTV DV và TM L2 trả lại cho ông B1 phương tiện thủy nội địa số đăng ký KG-56937, có đặc điểm công dụng chở dầu, chiều dài thiết kế 22,24m, chiều dài lớn nhất 23,50m, chiều rộng thiết kế 4,41m, chiều rộng lớn nhất 4,60m, chiều cao mạn 2,00m, chiều chìm 1,70m, mạn khô 3,30m, vật liệu vỏ - Thép, số lượng, kiểu, công suất máy 1/HINO 8EF750/330.00 Cv, tải trọng 76.00 tấn.

6. Buộc ông T5 trả lại cho ông B1 phương tiện thủy nội địa số đăng ký KG-01134, có đặc điểm công dụng chở dầu, chiều dài thiết kế 13,92m, chiều dài lớn nhất 15,28m, chiều rộng thiết kế 3,48m, chiều rộng lớn nhất 3,62m, chiều cao mạn 1,38m,



chiều chìm 1,13m, mạn khô 0,25m, vật liệu vỏ - Thép, số lượng, kiểu, công suất máy 1/ISUZU 6/140.00 Cv, tải trọng 30.00 tấn.

7. Buộc ông Đ1 phải trả cho Công ty TNHH MTV DV và TM L2 số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

8. Buộc ông B3 phải trả cho ông T5 số tiền 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng).

9. Ghi nhận sự tự nguyện của ông ông B1, bà T1 tự nguyện hoàn trả chi phí sửa chữa tu bổ thêm cho phương tiện thủy nội địa số đăng ký KG-56937 với số tiền 119.542.000 đồng (Một trăm mười chín triệu năm trăm bốn mươi hai ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền cần phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

10. Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển quyền sở hữu sang tên đối với phương tiện thủy nội địa số đăng ký KG-01134 và KG-56937 cho ông B1 theo quy định.

11. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2021/QĐ-BPKCTT ngày 07/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá để đảm bảo thi hành án.

12. Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2021/QĐ-BPBD ngày 04/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá; Ông B1, bà T1 có quyền nhận lại số tiền bảo đảm 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Kiên Giang-Phòng giao dịch số 4; Địa chỉ số 63 Lê Lợi, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí định giá, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

*\* Tại quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số: 09/2022/QĐ-SCBSBA ngày 12/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang quyết định:*

4. Tuyên bố hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa xác lập giữa ông B1, bà T1 với ông Đ1 số công chứng 00002749, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 3/8/2018 vô hiệu do giả tạo; Hủy hợp đồng ủy quyền được xác lập giữa ông Đ1 với ông B3 số công chứng 0003984, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/10/2019; Hủy hợp đồng mua bán được xác lập giữa ông Đ1 (do ông B3 làm đại diện) với ông T5 số công chứng 1720, quyền số 01.P/CC-SCC/HĐGD ngày 16/12/2020; Hủy hợp đồng mua bán được xác lập giữa ông Đ1 với Công ty TNHH MTV DV và TM L2 số công chứng 00002103, quyền số 03.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/6/2020.

*\* Ngày 08/3/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T5 kháng cáo với nội dung:* Yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số: 04/2022/DS-ST ngày 03 tháng

3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang do ông T5 là bên thứ ba ngay tình trong việc mua tài sản này. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng lập ngày 16/12/2020 tại Văn phòng công chứng T6 là giao dịch hợp pháp, đồng thời bãi bỏ biện pháp ngăn chặn để con tàu sớm được đăng kiểm hợp pháp đi vào hoạt động để gia đình ông T5 giảm bớt khó khăn về kinh tế.

**\* Ngày 17/3/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B3 kháng cáo với nội dung:** Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác 1 phần yêu cầu của ông B1, bà T1. Công nhận hợp đồng ủy quyền số công chứng 0003984, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/10/2019; hợp đồng mua bán tài sản số công chứng 1720, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/12/2020. Không chấp nhận yêu cầu buộc ông B3 phải hoàn trả cho ông T5 số tiền 360.000.000 đồng.

**\* Ngày 14/3/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV DV và TM L2 kháng cáo với nội dung:** Yêu cầu sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B1, bà T1 về việc yêu cầu hủy hợp đồng mua bán tàu KG56937 giữa Công ty TNHH MTV DV và TM L2 với ông Đ1 vào ngày 15/6/2020; không đồng ý trả lại cho ông B1 phương tiện tàu thủy nội địa số KG56937; yêu cầu công nhận hợp đồng mua bán tàu KG56937 giữa Công ty TNHH MTV DV và TM L2 với ông Đ1 vào ngày 15/6/2020.

**\* Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T5 giữ nguyên kháng cáo yêu cầu công nhận hợp đồng mua bán lập ngày 16/12/2020 tại Văn phòng công chứng T6 là giao dịch hợp pháp, đồng thời hủy bỏ biện pháp ngăn chặn để con tàu sớm được đăng kiểm hợp pháp đi vào hoạt động để gia đình ông T5 giảm bớt khó khăn về kinh tế.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B3 giữ nguyên kháng cáo cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác 1 phần yêu cầu của ông B1, bà T1 và công nhận hợp đồng ủy quyền số công chứng 0003984, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/10/2019; hợp đồng mua bán tài sản số công chứng 1720, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/12/2020 và không chấp nhận yêu cầu buộc ông B3 phải hoàn trả cho ông T5 số tiền 360.000.000 đồng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH MTV DV và TM L2 cũng như người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH MTV DV và TM L2 yêu cầu sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B1, bà T1 về việc yêu cầu hủy hợp đồng mua bán tàu KG56937 giữa Công ty TNHH MTV DV và TM L2 với ông Đ1 vào ngày 15/6/2020; không đồng ý trả lại cho ông B1 phương tiện tàu thủy nội địa số KG56937; yêu cầu công nhận hợp đồng mua bán tàu KG56937 giữa Công ty TNHH MTV DV và TM L2 với ông Đ1 vào ngày 15/6/2020.

**- Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Về việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV DV và TM L2. Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2022/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang về việc công nhận hợp đồng mua bán tàu KG56937 giữa Công ty TNHH MTV DV và TM L2 với ông Đ1 vào ngày 15/6/2020;

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2022/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T5 yêu cầu công nhận hợp mua bán lập ngày 16/12/2020 tại Văn phòng công chứng T6 là giao dịch hợp pháp, đồng thời hủy bỏ biện pháp ngăn chặn để con tàu sớm được đăng kiểm hợp pháp đi vào hoạt động và buộc ông B3 phải hoàn trả cho ông T5 số tiền 360.000.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tranh luận của Luật sư, đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn ông B1 và bà T1 khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa giữa vợ chồng ông B1 với ông Đ1 là vô hiệu; yêu cầu ông Đ1 chuyển quyền sở hữu đối với hai phương tiện tàu M và tàu M 2 lại cho vợ chồng ông B1 và bà T1; yêu cầu hủy các hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa đối với 02 chiếc tàu số đăng ký KG-56937 và KG-01134 (Hợp đồng mua bán giữa ông Đ1 với ông B3; Hợp đồng mua bán giữa ông B3 và ông T5; Hợp đồng mua bán giữa ông Đ1 và Công ty TNHH MTV DV và TM L2).

Bị đơn ông Đ1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đ2 yêu cầu ông Đ1 phải trả lại hai chiếc tàu có số đăng ký KG-56937 và KG-01134 cho ông B1, bà T1 và bà Đ2 đồng ý trả lại cho ông Đ1 số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B3 yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng ủy quyền được xác lập vào ngày 29/10/2019 giữa ông Đ1 và ông B3, đồng thời bãi bỏ biện pháp ngăn chặn khẩn cấp để con tàu KG 01134 sớm được đăng kiểm đi vào hoạt động và rút một phần yêu cầu về việc yêu cầu ông Đ1 thanh toán tiền mua tàu KG-01134 và chi phí sửa chữa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T5 yêu cầu công nhận hợp đồng mua bán được xác lập vào ngày 16/12/2020 giữa ông B3 và ông T5 và rút một phần yêu cầu về việc yêu cầu ông B3 thanh toán tiền mua tàu KG-01134 và chi phí sửa chữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV DV và TM L2 yêu cầu công nhận hợp đồng mua bán lập ngày 15/6/2020 tại văn phòng công chứng T3 giữa Công ty TNHH MTV DV và TM L2 với ông Đ1 là giao dịch hợp pháp và rút một phần yêu cầu về việc yêu cầu ông Đ1 thanh toán tiền mua tàu KG-56937 và chi phí sửa chữa.

[3] Xét nội dung kháng cáo của:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T5 kháng cáo yêu cầu công nhận hợp mua bán lập ngày 16/12/2020 tại Văn phòng công chứng T6 là giao dịch hợp pháp, đồng thời hủy bỏ biện pháp ngăn chặn để con tàu sớm được đăng kiểm hợp pháp đi vào hoạt động để gia đình ông T5 giảm bớt khó khăn về kinh tế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B3 yêu cầu công nhận hợp đồng ủy quyền số công chứng 0003984, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/10/2019; hợp đồng mua bán tài sản số công chứng 1720, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/12/2020 và không chấp nhận hoàn trả cho ông T5 số tiền 360.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV DV và TM L2 cũng như người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH MTV DV và TM L2 yêu cầu sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B1, bà T1 về việc yêu cầu hủy hợp đồng mua bán tàu KG56937 giữa Công ty TNHH MTV DV và TM L2 với ông Đ1 vào ngày 15/6/2020; không đồng ý trả lại cho ông B1 phương tiện tàu thủy nội địa số KG56937; yêu cầu công nhận hợp đồng mua bán tàu KG56937 giữa Công ty TNHH MTV DV và TM L2 với ông Đ1 vào ngày 15/6/2020.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B1 và bà T1, cấp sơ thẩm nhận định, theo nguyên đơn cho rằng vì chuyện làm ăn của bà Đ2 gặp khó khăn nên vào ngày 3/8/2018, ông B1 và bà T1 đến văn phòng công chứng để thế chấp hai chiếc tàu cho ông Đ1 để vay của ông Đ1 số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phòng công chứng, công chứng viên giải thích chỉ có làm hợp đồng mua bán thì mới công chứng được còn cầm cố pháp luật không cho phép. Ông Đ1 giải thích cho ông B1 bà T1 là “cứ ký hợp đồng mua bán cặp tàu với cháu một vài tháng mẹ cháu trả tiền cho cháu, cháu làm hợp đồng chuyển trả lại cặp tàu cho ông bà ngoại và hứa là không sang tên cặp tàu này”. Ngày 3/8/2018, ông B1 và bà T1 ký kết hợp đồng mua bán với ông Đ1 tại Văn phòng công chứng T3, giá trị mua bán 02 tàu dầu này là 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 21/10/2019 (Sau 01 năm 02 tháng kể từ ngày nhận chuyển nhượng) ông Đ1 mới đăng ký và được Sở giao thông vận tải tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa. Đến ngày 29/10/2019, giữa ông Đ1 và ông B3 đã xác lập hợp đồng ủy quyền đối với phương tiện KG-01134 tại Văn

phòng công chứng T3. Theo ông B3 xác định trên thực tế là ông B3 nhận chuyển nhượng phương tiện KG-01134 của ông Đ1 với số tiền 220.000.000 đồng. Đến ngày 15/6/2020 giữa ông Đ1 và Công ty TNHH MTV DV và TM L2 xác lập hợp đồng mua bán phương tiện KG-56937 tại Văn phòng công chứng T3 với giá 200.000.000 đồng. Theo chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH thẩm định giá Tầm Nhìn Mới cung cấp thời điểm tháng 8/2018 (Tàu KG-01134 có giá trị là 534.961.050 đồng và Tàu KG- 56937 có giá trị là 1.064.183.314 đồng); thời điểm tháng 01/2022 (Tàu KG-01134 có giá trị là 447.026.000 đồng và Tàu KG- 56937 có giá trị là 962.992.000 đồng). Thời điểm xác lập hợp đồng mua bán hai phương tiện thủy nội địa cho ông Đ1 thì hai chiếc tàu này của ông B1 đang hoạt động: Tàu KG-01134 do con gái của ông B1 là N đang bán dầu ở Tp P. Ngày 16/9/2019 ông Đ1 đem hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa giữa vợ chồng ông B1 với ông Đ1 đến gặp bà N đang bán dầu và yêu cầu bà N giao tàu cho ông Đ1; Tàu KG-56937 đang gửi trên ụ tại Ụ tàu B5 thuộc DNTN Đ3 do ông T2 làm chủ để sơn mới. Ngày 21/8/2020 ông B1 xuống Ụ tàu để kiểm tra tàu thì không thấy tàu neo đậu ở đây, hỏi ông T2 thì biết ông Đ1 đã đăng ký quyền sở hữu đối với phương tiện này và chuyển tàu đi nơi khác. Căn cứ vào hợp đồng sửa chữa ngày 20/11/2018 giữa ông T2 chủ DNTN Đ3 và bà Đ2 đại diện chủ tàu KG-56937, căn cứ bản cam kết ngày 21/8/2020, cũng như bản tự khai của ông T2 thể hiện vào thời điểm ngày 3/8/2018 ông B1 bà T1 ký kết hợp đồng mua bán với ông Đ1 thì tàu KG-56937 không phải do ông Đ1 đang quản lý, sử dụng. Bà Đ2 đại diện cho ông B1 liên hệ lên ụ để sửa chữa tàu. Đến ngày 21/10/2019 (Tức ngày ông Đ1 được được Sở giao thông vận tải tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa) ông Đ1 đến gặp ông T2 và làm bản cam kết để lấy tàu KG-56937 và đến ngày 15/6/2020 (Tức là ngày ông Đ1 ký kết hợp đồng mua bán với Công ty L2) cho hạ thủy con tàu KG-56937. Ông B1 và bà T1 bán cho ông Đ1 02 phương tiện KG- 01134 và KG 56937 chỉ với giá 100.000.000 đồng, giá trị thấp hơn giá trị thực tế.

Từ các cơ sở trên, cấp sơ thẩm xác định hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa giữa ông B1 và bà T1 với ông Đ1 xác lập ngày 3/8/2018 là giả tạo nhằm che đậy hợp đồng vay giữa ông Đ1 với bà Đ2 và tuyên bố hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa KG-01134 và KG 56937 được xác lập vào ngày 3/8/2018 giữa ông B1 bà T1 với ông Đ1 là vô hiệu. Do hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa giữa ông B1, bà T1 với ông Đ1 xác lập ngày 3/8/2018 là vô hiệu do giả tạo, nên không làm phát sinh hiệu lực từ đó hủy hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa KG-56937 được xác lập vào ngày 15/6/2020 giữa ông Đ1 với Công ty L2; hủy hợp đồng ủy quyền được xác lập vào ngày 29/10/2019 giữa ông Đ1 với ông B3; hủy hợp đồng mua bán được xác lập vào ngày 16/12/2020 giữa ông B3 với ông T5 và tuyên xử:

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu thanh toán tiền mua bán phương tiện thủy nội địa KG- 01134 và KG-56937 của ông B3; Công ty TNHH MTV DV và TM L2 đối với ông Đ1 và phần yêu cầu thanh toán tiền mua bán sửa chữa phương tiện thủy nội địa của ông T5 đối với ông B3; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông

B1, bà T1 đối với bị đơn ông Đ1; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông B3; ông T5; Công ty TNHH MTV DV và TM L2 đối với bị đơn ông Đ1; tuyên bố hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa xác lập giữa ông B1, bà T1 với ông Đ1 số công chứng 00002749, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 3/8/2018 vô hiệu do giả tạo; Hủy hợp đồng ủy quyền được xác lập giữa ông Đ1 với ông B3 số công chứng 0003984, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/10/2019; Hủy hợp đồng mua bán được xác lập giữa ông Đ1 (do ông B3 làm đại diện) với ông T5 số công chứng 1720, quyền số 01.P/CC-SCC/HĐGD ngày 16/12/2020; buộc Công ty TNHH MTV DV và TM L2 trả lại cho ông B1 phương tiện thủy nội địa số đăng ký KG-56937, có đặc điểm công dụng chở dầu, chiều dài thiết kế 22,24m, chiều dài lớn nhất 23,50m, chiều rộng thiết kế 4,41m, chiều rộng lớn nhất 4,60m, chiều cao mạn 2,00m, chiều chìm 1,70m, mạn khô 3,30m, vật liệu vỏ - Thép, số lượng, kiểu, công suất máy 1/HINO 8EF750/330.00 Cv, tải trọng 76.00 tấn; buộc ông T5 trả lại cho ông B1 phương tiện thủy nội địa số đăng ký KG-01134, có đặc điểm công dụng chở dầu, chiều dài thiết kế 13,92m, chiều dài lớn nhất 15,28m, chiều rộng thiết kế 3,48m, chiều rộng lớn nhất 3,62m, chiều cao mạn 1,38m, chiều chìm 1,13m, mạn khô 0,25m, vật liệu vỏ - Thép, số lượng, kiểu, công suất máy 1/ISUZU 6/140.00 Cv, tải trọng 30.00 tấn; buộc ông Đ1 phải trả cho Công ty TNHH MTV DV và TM L2 số tiền 200.000.000 đồng; buộc ông B3 phải trả cho ông T5 số tiền 360.000.000 đồng; ghi nhận sự tự nguyện của ông ông B1, bà T1 tự nguyện hoàn trả chi phí sửa chữa tu bổ thêm cho phương tiện thủy nội địa số đăng ký KG-56937 với số tiền 119.542.000 đồng; kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển quyền sở hữu sang tên đối với phương tiện thủy nội địa số đăng ký KG-01134 và KG-56937 cho ông B1 theo quy định; tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2021/QĐ-BPKCTT ngày 07/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá để đảm bảo thi hành án; hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2021/QĐ-BPBD ngày 04/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá; Ông B1, bà T1 có quyền nhận lại số tiền bảo đảm 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Kiên Giang-Phòng giao dịch số 4; Địa chỉ số 63 Lê Lợi, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3.2] Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án các đương sự tham gia trực tiếp trong vụ án không ai trình bày, cung cấp thông tin có liên quan đến vợ hoặc chồng có quyền và lợi ích hợp pháp trong các giao dịch đã được tòa án thụ lý giải quyết dẫn đến cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, do đó cấp sơ thẩm không có lỗi cụ thể:

[3.2.1] Đối với con tàu ông T5 mua phương tiện thủy nội địa KG-01134 từ ông B3 với số tiền là 360.000.000 đồng, cấp sơ thẩm buộc ông T5 trả lại cho ông B1 phương tiện thủy nội địa số đăng ký KG-01134.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T5 xác định số tiền bỏ ra mua con tàu này là tài sản chung của vợ chồng và sau khi mua thì cả vợ chồng ông cùng nhau quản lý sử dụng con tàu và cũng tại phiên tòa phúc thẩm vợ của ông T5 cũng không đồng ý hủy hợp đồng mua bán và yêu cầu công nhận hợp đồng mua bán tàu giữa vợ chồng ông với ông H2, nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ để đưa vợ ông T5, vợ ông H2 và vợ ông Đ1 vào tham gia tố tụng là bỏ sót người tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng, chưa được cấp sơ thẩm đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án nếu có đủ căn cứ xác định giao dịch giữ nguyên đơn với ông Đ1 là giả tạo như cấp sơ thẩm nhận định.

[3.2.2] Đối với con tàu ông Đ1 lập hợp đồng mua bán với Công ty TNHH MTV DV và TM L2 hiện tại Công ty TNHH MTV DV và TM L2 đã lập thủ tục và được Sở giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện thủ tục sang tên Công ty TNHH MTV DV và TM L2. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Đ2 là mẹ của ông Đ1 xác định ông Đ1 đã có vợ và chung sống với nhau từ năm 2018, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Đ1 vắng mặt, nên cấp sơ thẩm chưa làm rõ là ông Đ1 có vợ hay không để đưa vợ ông Đ1 vào tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng, chưa được cấp sơ thẩm đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B1 và bà T1, không chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty TNHH MTV DV và TM L2, nên cấp sơ thẩm chưa xem xét đến nghĩa vụ của ông Đ1 đối với nguyên đơn ông B1 và bà T1 trong trường hợp chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty TNHH MTV DV và TM L2 như vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đề nghị và có đủ căn cứ xác định giao dịch giữa nguyên đơn ông B1 và bà T1 với ông Đ1 là giả tạo như cấp sơ thẩm nhận định là chưa giải quyết triệt để vụ án đã được đương sự yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Từ những căn cứ nhận định trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần ý kiến của Kiểm sát viên, hủy bản án sơ thẩm số: 04/2022/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T5, ông B3 và Công ty TNHH MTV DV và TM L2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2022/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

1. Giao toàn bộ hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

2. Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Sẽ được xem xét lại trong quá trình giải quyết lại vụ án tại cấp sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T5 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002156 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B3 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002148 ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV DV và TM L2 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002155 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- TAND Tp R;
- Chi cục THADS Tp R;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Bình Đảo**